

Số: 04 /ĐA-UBND

Hà Tây, ngày 17 tháng 8 năm 2026

ĐỀ ÁN

**Sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở công lập
trên địa bàn xã Hà Tây**

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC TRƯỚC KHI SẮP XẾP

I. CƠ SỞ GIÁO DỤC TRƯỚC KHI SẮP XẾP

A. CẤP MẦM NON

1. Cơ sở giáo dục thứ nhất: Trường Mầm non Tân An

1.1. Thông tin chung

Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Tân An.

Thuộc: Ủy ban nhân dân xã Hà Tây quản lý.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Đông Phan, xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng.

Số điện thoại: 0988083823.

Website (nếu có); Email: mntanan.hatay@haiphong.edu.vn.

Quyết định thành lập, cho phép thành lập: Quyết định số 10A/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND xã Hà Tây về việc tổ chức lại các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập thuộc xã Hà Tây.

Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): Không.

Quyết định cho phép hoạt động giáo dục (nếu có): Không.

Chức năng, nhiệm vụ: Tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em từ 24 tháng tuổi đến 6 tuổi theo Chương trình Giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường được thành lập nhằm đáp ứng nhu cầu gửi trẻ và mầm non của nhân dân địa phương. Mạng lưới lớp học phủ kín địa bàn, đóng góp tích cực vào công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

1.3. Tổ chức bộ máy

Đội ngũ: 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng; 27 giáo viên và 01 nhân viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

1.4. Kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục (từ khi được phép hoạt động đến trước khi sắp xếp).

Trường MN Tân An thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục mầm non công lập. Trường luôn đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến.

1.5. Số lượng người học và quy mô: Tổng số lớp: 14 lớp; Tổng số học sinh: 377 trẻ. (Thuộc diện sắp xếp do quy mô từ 15 lớp trở xuống).

1.6. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, tài sản: Đã được đầu tư cơ sở vật chất cơ bản, phòng học và trang thiết bị đồ dùng đồ chơi phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

2. Cơ sở giáo dục thứ hai: Trường Mầm non Thanh Hải

2.1. Thông tin chung

Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Thanh Hải.

Thuộc: Ủy ban nhân dân xã Hà Tây quản lý.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn An Liệt 3, xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng.

Số điện thoại: 0972108788.

Website (nếu có); Email: mnthanhhai.hatay@haiphong.edu.vn.

Quyết định thành lập, cho phép thành lập: Quyết định số 10A/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND xã Hà Tây về việc tổ chức lại các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập thuộc xã Hà Tây.

Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): Không.

Quyết định cho phép hoạt động giáo dục (nếu có): Không.

Chức năng, nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non trên địa bàn.

2.2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường được thành lập nhằm đáp ứng nhu cầu gửi trẻ và mầm non của nhân dân địa phương. Mạng lưới lớp học phủ kín địa bàn, đóng góp tích cực vào công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

2.3. Tổ chức bộ máy

Đội ngũ: 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng, 70 giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

2.4. Kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục (từ khi được phép hoạt động đến trước khi sắp xếp).

Trường MN Thanh Hải thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục mầm non công lập. Trường luôn đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến.

2.5. Số lượng người học và quy mô: Tổng số lớp: 32 lớp; Tổng số học sinh: 761 học sinh.

2.6. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, tài sản: Đã được đầu tư cơ sở vật chất cơ bản, phòng học và trang thiết bị đồ dùng đồ chơi phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

B. CẤP TIỂU HỌC

1. Cơ sở giáo dục thứ nhất: Trường Tiểu học Tân An

1.1. Thông tin chung

Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Tân An.

Thuộc: Ủy ban nhân dân xã Hà Tây quản lý.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Đông Phan, xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng.

Số điện thoại: 0917831170.

Website (nếu có); Email: thtanan.hatay@haiphong.edu.vn.

Quyết định thành lập, cho phép thành lập: Quyết định số 10A/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND xã Hà Tây về việc tổ chức lại các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập thuộc xã Hà Tây.

Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): Không.

Quyết định cho phép hoạt động giáo dục (nếu có): Không.

Chức năng, nhiệm vụ: Tổ chức giảng dạy, giáo dục học sinh cấp tiểu học theo Chương trình giáo dục phổ thông.

1.2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển

Trường có truyền thống dạy và học, duy trì tốt sĩ số và hoàn thành chương trình tiểu học.

1.3. Tổ chức bộ máy

Đội ngũ: 01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng, 27 giáo viên và 3 nhân viên phục vụ bảo đảm theo tiêu chuẩn.

1.4. Kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục (từ khi được phép hoạt động đến trước khi sắp xếp).

Trường TH Tân An thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục Tiểu học công lập. Trường luôn đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến.

1.5. Số lượng người học và quy mô: Quy mô 19 lớp, 554 học sinh (thuộc diện phải sắp xếp tổ chức lại).

1.6. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, tài sản

Khuôn viên trường lớp, phòng học, phòng chức năng và trang thiết bị dạy học được quản lý, sử dụng theo quy định.

2. Cơ sở giáo dục thứ hai: Trường Tiểu học Thanh Hải

2.1. Thông tin chung

Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Thanh Hải.

Thuộc: Ủy ban nhân dân xã Hà Tây quản lý.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn An Liệt 2, xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng.

Số điện thoại: 0914755569.

Website (nếu có); Email: ththanhhai.hatay@haiphong.edu.vn.

Quyết định thành lập, cho phép thành lập: Quyết định số 10A/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND xã Hà Tây về việc tổ chức lại các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập thuộc xã Hà Tây.

Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): Không.

Quyết định cho phép hoạt động giáo dục (nếu có): Không.

Chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học trên địa bàn được phân công.

2.2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển

Trường có truyền thống dạy và học, duy trì tốt sĩ số và hoàn thành chương trình tiểu học.

2.3. Tổ chức bộ máy

Đội ngũ: 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng, 54 giáo viên và 04 nhân viên phục vụ bảo đảm theo tiêu chuẩn.

2.4. Kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục (từ khi được phép hoạt động đến trước khi sắp xếp)

Trường TH Thanh Hải thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục Tiểu học công lập. Trường luôn đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc và được tặng nhiều Giấy khen các cấp.

2.5. Số lượng người học và quy mô: Quy mô 38 lớp, 1293 học sinh (thuộc diện trường liền kề về vị trí địa lý với trường TH Tân An phải sắp xếp tổ chức lại).

2.6. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, tài sản: Khuôn viên trường lớp, phòng học, phòng chức năng và trang thiết bị dạy học được quản lý, sử dụng theo quy định.

C. CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ (THCS)

1. Cơ sở giáo dục thứ nhất: Trường THCS An Phượng

1.1. Thông tin chung

Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học cơ sở An Phượng.

Thuộc: Ủy ban nhân dân xã Hà Tây quản lý.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ngoại Đàm, xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng.

Số điện thoại: 0916271386.

Website (nếu có); Email: thcsanphuong.hatay@haiphong.edu.vn.

Quyết định thành lập, cho phép thành lập: Quyết định số 10A/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND xã Hà Tây về việc tổ chức lại các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập thuộc xã Hà Tây.

Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): Không.

Quyết định cho phép hoạt động giáo dục (nếu có): Không.

Chức năng, nhiệm vụ: Giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở.

1.2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển: Trường có truyền thống dạy và học, duy trì tốt sĩ số và hoàn thành chương trình trung học cơ sở.

1.3. Tổ chức bộ máy

Đội ngũ: 01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng, 28 giáo viên và 05 nhân viên phục vụ bảo đảm theo tiêu chuẩn.

1.4. Kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục (từ khi được phép hoạt động đến trước khi sắp xếp).

Trường THCS An Phượng thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục THCS công lập. Trường luôn đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc và được tặng nhiều Giấy khen các cấp.

1.5. Số lượng người học và quy mô: Quy mô 20 lớp, 805 học sinh (thuộc

diện phải sắp xếp tổ chức lại).

1.6. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, tài sản

Khuôn viên trường lớp, phòng học, phòng chức năng và trang thiết bị dạy học được quản lý, sử dụng theo quy định.

2. Cơ sở giáo dục thứ hai: Trường THCS Tân An

2.1. Thông tin chung

Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học cơ sở Tân An.

Thuộc: Ủy ban nhân dân xã Hà Tây quản lý.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Đông Phan, xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng.

Số điện thoại: 0906069306.

Website (nếu có); Email: thcstanan.hatay@haiphong.edu.vn.

Quyết định thành lập, cho phép thành lập: Quyết định số 10A/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND xã Hà Tây về việc tổ chức lại các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập thuộc xã Hà Tây.

Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): Không.

Quyết định cho phép hoạt động giáo dục (nếu có): Không.

Chức năng, nhiệm vụ: Giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở.

2.2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển: Trường có truyền thống dạy và học, duy trì tốt sĩ số và hoàn thành chương trình THCS.

2.3. Tổ chức bộ máy

Đội ngũ: 01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng, 18 giáo viên và 02 nhân viên phục vụ bảo đảm theo tiêu chuẩn.

2.4. Kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục (từ khi được phép hoạt động đến trước khi sắp xếp).

Trường THCS Tân An thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục THCS công lập. Trường luôn đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến

2.5. Số lượng người học và quy mô: Quy mô 12 lớp, 477 học sinh (thuộc diện phải sắp xếp tổ chức lại).

2.6. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, tài sản

Khuôn viên trường lớp, phòng học, phòng chức năng và trang thiết bị dạy học được quản lý, sử dụng theo quy định.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi

Mạng lưới trường lớp cơ bản phủ kín địa bàn xã, tỷ lệ đạt chuẩn quốc gia cao, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, nhiệt huyết và giàu kinh nghiệm chuyên môn.

Nhận được sự chỉ đạo sát sao của Thành ủy, UBND thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy và UBND xã Hà Tây.

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Quy mô bình quân các trường còn nhỏ và phân tán (mầm non dưới 15 lớp, tiểu học dưới 20 lớp, THCS dưới 23 lớp), thấp hơn nhiều so với quy mô tối đa theo Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT.

Nguồn lực đầu tư bị phân tán, chưa tập trung hiệu quả cho cơ sở vật chất hiện đại; bộ máy quản lý dôi dư đầu mỗi gây áp lực chi thường xuyên.

Phần thứ hai

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

I. SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ NGUYÊN TẮC SẮP XẾP

1. Sự cần thiết

Xuất phát từ thực tiễn quy mô các trường trên địa bàn xã Hà Tây còn nhỏ lẻ, chưa đạt quy mô tối ưu theo chuẩn của Bộ GDĐT.

Nhằm tối ưu hóa nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao năng lực quản trị nhà trường và chất lượng giáo dục toàn diện; tinh gọn bộ máy hành chính theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

2. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ về việc tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong tình hình mới; Luật Viên chức số 129/2025/QH15 năm 2025.

Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28/7/2026 của Chính phủ Quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập.

Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối với Hiệu trưởng, Giám đốc, Phó Hiệu trưởng, Phó Giám đốc, Nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;

Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026; Công văn số 814/TTg-TCCV ngày 20/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp thành phố, cấp xã.

Thông báo Kết luận số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng.

Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 29/7/2026 về Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà tại cuộc họp về tình hình triển khai sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp công lập.

Kế hoạch số 1186/KH-BGDĐT ngày 26/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thành phố Hải Phòng là một trong 15 địa phương thực hiện thí điểm).

Công văn số 4054/BGDĐT-GDPT ngày 30/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp.

Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định quy mô tối đa số lớp của cơ sở giáo dục.

Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non; Thông tư 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Thông báo số 513-TB/TU ngày 04/8/2026 của Thành ủy Hải Phòng về Thông báo Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về phương án, kế hoạch sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Văn bản số 8127/VP-VX ngày 03/7/2026 của UBND thành phố về việc triển khai hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp.

Văn bản số 8615/VP-VX ngày 14/7/2026 của UBND thành phố về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục công lập cấp thành phố, cấp xã.

Kế hoạch số 306/KH-UBND ngày 07/8/2026 của UBND thành phố về sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Công văn số 5057/SGDĐT-TCCB ngày 14/8/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc Hướng dẫn, định hướng làm rõ tiêu chí bố trí Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng sau sắp xếp các cơ sở giáo dục.

Số liệu thống kê mạng lưới, lớp, học sinh, đội ngũ của các cơ sở giáo dục công lập xã Hà Tây (có phụ lục kèm theo).

3. Nguyên tắc sắp xếp

3.1. Nguyên tắc chung

a) Việc sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập phải phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy mô dân số và không gian phát triển; lấy mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, hiệu quả đầu tư và năng lực quản trị làm định hướng xuyên suốt; không thực hiện sắp xếp cơ học chỉ nhằm giảm đầu mối; trong quá trình thực hiện cần đánh giá, rút kinh nghiệm, hình thành mô hình quản lý, đánh giá tác động đối với các đối tượng liên quan, đề ra giải pháp triển khai giai đoạn tiếp theo chặt chẽ, hiệu quả, tuyệt đối không để học sinh do hoàn cảnh khó khăn mà không được đến trường.

b) Tuân thủ các nguyên tắc chuyên môn và khoa học giáo dục; phù hợp đặc

điểm tâm sinh lý lứa tuổi, cấp học và loại hình cơ sở giáo dục. Không sắp xếp mầm non với phổ thông. Ưu tiên tổ chức lại các cơ sở giáo dục cùng cấp, vị trí địa lý gần nhau.

c) Lấy người học làm trung tâm. Bảo đảm quyền học tập và cơ hội tiếp cận giáo dục; tạo điều kiện thuận lợi hơn cho học sinh đến trường, không làm phát sinh rào cản địa lý và chi phí; không ảnh hưởng đến công tác huy động học sinh ra lớp để duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục. Bảo đảm toàn xã có tối thiểu 01 trường mầm non, 01 trường phổ thông. Quy hoạch, phát triển mạng lưới trường trung học phổ thông phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị.

d) Gắn sắp xếp mạng lưới với đổi mới quản trị nhà trường và tinh gọn đầu mối quản lý; sử dụng hiệu quả đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất và nguồn lực đầu tư; đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình của địa phương và cơ sở giáo dục.

đ) Bảo đảm tính ổn định, kế thừa, hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến hoạt động dạy học, tâm lý của học sinh, nhà giáo và cha mẹ học sinh. Tổ chức thực hiện linh hoạt, có lộ trình phù hợp thực tiễn bảo đảm an toàn cho người dạy, người quản lý.

e) Theo dõi, đánh giá thường xuyên tình hình thực hiện dựa trên dữ liệu và tác động thực tiễn; kịp thời phát hiện vướng mắc để điều chỉnh phương án, chính sách.

g) Việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn xã gắn với bảo đảm các điều kiện chuẩn bị thật tốt cho khai giảng năm học mới 2026 - 2027, đúng tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước.

3.2. Nguyên tắc cụ thể sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn xã

a) Bảo đảm sự ổn định: cơ bản giữ nguyên các phân hiệu, điểm trường sau sắp xếp; học sinh đang học ở đâu vẫn học ở đó.

b) Duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục, không sắp xếp trường học đang xây dựng mô hình trường học xã hội chủ nghĩa.

c) Ưu tiên sắp xếp các trường cùng cấp học trong xã. Định hướng hình thành trường quy mô lớn: mô hình trường một cấp học quy mô lớn (đa cơ sở).

d) Xem xét đồng bộ các tiêu chí về khoảng cách địa lý, bán kính phục vụ hợp lý, không làm phát sinh rào cản địa lý và chi phí đi lại đối với học sinh; bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất và thuận lợi cho công tác quản lý của xã.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Chỉ tiêu, tiêu chí sắp xếp

1.1. Giảm ít nhất 30% đầu mối, nơi có điều kiện thuận lợi giảm khoảng 50% đầu mối cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập so với thời điểm ngày 01/7/2025.

1.2. Sắp xếp theo quy mô lớp học:

- Đối với trường mầm non có quy mô từ 15 lớp trở xuống;
- Đối với trường tiểu học có quy mô từ 20 lớp trở xuống;
- Đối với trường trung học cơ sở có quy mô từ 23 lớp trở xuống.

1.3. Trường mới sau sắp xếp (gồm 01 trường chính, có các phân hiệu, điểm trường) có quy mô lớn tiệm cận, đạt hoặc vượt:

- Trường mầm non có quy mô khoảng 30 lớp;
- Trường tiểu học có quy mô khoảng 40 lớp;
- Trường trung học cơ sở có quy mô khoảng 45 lớp;
- Trường phổ thông 2 cấp học có quy mô khoảng 50 lớp.

1.4. Việc sắp xếp phải hướng tới tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên; nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và chất lượng giáo dục.

2. Phạm vi, đối tượng sắp xếp

2.1. Cấp Mầm non: Sắp xếp Trường MN Thanh Hải và Trường MN Tân An thành Trường Mầm non Hà Tây (Giữ nguyên Trường MN An Phượng).

Lý do:

- Nếu sắp xếp MN Tân An với MN An Phượng: Khoảng cách địa lý xa; MN An Phượng đang chuẩn Quốc gia mức độ 2 và đang thực hiện mô hình trường XHCN của xã.

- Nếu sắp xếp MN An Phượng với MN Thanh Hải: Quy mô quá lớn, và trường còn lại là MN Tân An có số lớp nhỏ hơn mức quy định.

2.2. Cấp Tiểu học: Sắp xếp Trường TH Thanh Hải và Trường TH Tân An thành Trường Tiểu học Hà Tây (Giữ nguyên Trường TH An Phượng).

Lý do:

- Nếu sắp xếp TH Tân An với TH An Phượng: Khoảng cách địa lý xa; TH An Phượng đang xây dựng CSVN và đang đề nghị công nhận Trường chuẩn quốc gia sau 5 năm.

- Nếu sắp xếp TH An Phượng với TH Thanh Hải: Quy mô quá lớn, và trường còn lại là TH Tân An có số lớp nhỏ hơn mức quy định.

2.3. Cấp THCS: Sắp xếp Trường THCS An Phượng và Trường THCS Tân An thành Trường THCS Hà Tây (Giữ nguyên Trường THCS Thanh Hải).

Lý do:

Trường THCS Thanh Hải bảo đảm số lớp quy định và Trường THCS Tân An sắp xếp với trường THCS An Phượng (cả 02 trường đều nhỏ so với quy định) thành trường mới thì bảo đảm theo quy định.

3. Phương án, nguyên tắc, quy trình sắp xếp nhân sự cụ thể

3.1. Về nguyên tắc

- Việc sắp xếp, bố trí nhân sự phải bảo đảm tính kế thừa, ổn định tổ chức, hạn chế tối đa việc xáo trộn đội ngũ; đồng thời bảo đảm sử dụng hiệu quả biên chế được giao, phát huy năng lực, sở trường của viên chức và đáp ứng yêu cầu

quản trị cơ sở giáo dục sau sắp xếp.

- Việc sắp xếp, bố trí nhân sự phải bảo đảm theo đúng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về điều kiện tiêu chuẩn, vị trí việc làm, định mức chuyên ngành và phù hợp với yêu cầu thực tế. Trên cơ sở đó, căn cứ điều kiện thực tiễn và tiêu chuẩn, năng lực của cán bộ, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định lựa chọn Hiệu trưởng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cơ sở giáo dục sau sắp xếp.

- Chỉ thực hiện sắp xếp, bố trí đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, nhân sự hỗ trợ giáo dục; đối với giáo viên, cơ bản giữ ổn định để bảo đảm công tác giảng dạy.

- Không thực hiện bổ nhiệm Hiệu trưởng từ nguồn Phó Hiệu trưởng khi thực hiện sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

- Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp và chế độ chính sách đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

3.2. Về phương án

3.2.1. Phương án bố trí nhân sự

a) Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

- Về số lượng:

- + Hiệu trưởng: Mỗi cơ sở giáo dục có 01 Hiệu trưởng

- + Phó Hiệu trưởng: Trường chính được bố trí 01 Phó Hiệu trưởng; mỗi phân hiệu được bố trí 01 Phó Hiệu trưởng.

- Về điều kiện, tiêu chuẩn: Bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn chung theo quy định của Đảng, pháp luật chuyên ngành, thành phố và quy định về công tác cán bộ của địa phương và theo Công văn số 5057/SGDĐT-TCCB ngày 14/8/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc Hướng dẫn, định hướng làm rõ tiêu chí bố trí Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng sau sắp xếp các cơ sở giáo dục.

- b) Đối với giáo viên: Cơ bản giữ nguyên trạng, bảo đảm ổn định tư tưởng. Việc bố trí, phân công giáo viên phù hợp với vị trí việc làm, trình độ chuyên môn, cơ cấu môn học và yêu cầu tổ chức dạy học của cơ sở giáo dục sau sắp xếp. Để bảo đảm sử dụng hiệu quả đội ngũ, đủ định mức giờ dạy, giáo viên được điều phối, phân công giảng dạy giữa trường chính và các phân hiệu, điểm trường.

c) Đối với nhân sự hỗ trợ giáo dục

Số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục được bố trí như sau:

- Các vị trí kế toán, văn thư, thủ quỹ được bố trí dùng chung cho cơ sở giáo dục (bao gồm trường chính, phân hiệu, điểm trường), mỗi vị trí được bố trí 01 người. Đối với vị trí kế toán, trường hợp thuộc loại hình trường có học sinh nội trú, bán trú có quy mô từ 40 lớp trở lên thì được bố trí tối đa 02 người.

- Các vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm, thư viện, giáo vụ, tư vấn học sinh, hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, công nghệ thông tin (hoặc quản trị công sở), y

tế trường học được bố trí riêng cho trường chính và mỗi phân hiệu. Mỗi vị trí việc làm quy định tại điểm này được bố trí 01 người.

- Cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục quyết định bố trí số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục theo quy định tại điểm này; trường hợp cần thiết, căn cứ quy mô, điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục, quyết định việc bố trí một người đảm nhận một hoặc nhiều vị trí việc làm phù hợp năng lực, chuyên môn, yêu cầu nhiệm vụ và không vượt quá số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao.

3.2.2. Phương án bố trí nhân sự còn lại sau sắp xếp

(1) Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng còn lại của các cơ sở giáo dục trước khi sắp xếp được bố trí như sau:

- Đối với Hiệu trưởng: ưu tiên bố trí giữ chức vụ quản lý cấp dưới liền kề nếu đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định hoặc bố trí vào vị trí việc làm nhà giáo hoặc vị trí việc làm khác phù hợp với trình độ đào tạo, chuyên môn, nghiệp vụ và yêu cầu của cơ sở giáo dục.

- Đối với Phó Hiệu trưởng: ưu tiên bố trí giữ chức vụ tổ trưởng, tổ phó chuyên môn hoặc bố trí vào vị trí việc làm nhà giáo hoặc vị trí việc làm khác phù hợp với trình độ đào tạo, chuyên môn, nghiệp vụ và yêu cầu của cơ sở giáo dục.

- Số lượng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng còn lại sau khi sắp xếp đủ theo quy định nếu có nguyện vọng nghỉ việc thì thực hiện giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

- Trường hợp Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng thôi giữ chức vụ hoặc được bổ nhiệm chức vụ mới có mức phụ cấp chức vụ thấp hơn do thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025).

(2) Đối với nhân sự hỗ trợ giáo dục còn lại của các cơ sở giáo dục trước khi sắp xếp

a) Bố trí vào vị trí việc làm nhân sự hỗ trợ giáo dục còn thiếu số lượng người làm việc theo định mức quy định.

Trường hợp chưa đáp ứng tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng của vị trí việc làm mới thì giữ mã số, chức danh và hệ số lương đang được hưởng. Khi đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của vị trí việc làm mới sau sắp xếp thì bỏ nhiệm chức danh và xếp lương theo vị trí việc làm đó hoặc bố trí bậc nghề nghiệp theo quy định.

Trong thời hạn 03 năm (36 tháng) kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2026, nhân sự hỗ trợ giáo dục phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm mới; nếu không

đáp ứng thì thực hiện chế độ thôi việc hoặc nghỉ hưu, tinh giản biên chế theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp cần thiết do cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

b) Không bố trí vào vị trí y tế trường học nếu không đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của vị trí việc làm.

c) Không bố trí vào vị trí việc làm kế toán nếu không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm kế toán hoặc thuộc các trường hợp không được làm kế toán theo quy định.

d) Bố trí vào vị trí việc làm nhà giáo nếu đạt trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo và đạt yêu cầu về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng ngay vị trí việc làm nhà giáo.

đ) Số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục còn lại sau khi sắp xếp đủ theo quy định tại điểm (a), điểm (b), điểm (c) và điểm (d) mục này thì thực hiện giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

3.2.3. Về quy trình thực hiện

Thực hiện theo quy trình bổ nhiệm cán bộ đúng quy định.

3.3. Phương án xử lý về tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, thiết bị, đất đai

Bàn giao nguyên trạng toàn bộ đất đai, cơ sở vật chất, tài sản công, trang thiết bị dạy học từ các trường cũ sang trường mới quản lý.

Tiến hành kiểm kê, đối chiếu công nợ, quyết toán tài chính đến thời điểm sắp xếp đúng quy định pháp luật.

3.4. Phương án bảo đảm quyền lợi của người học

Học sinh giữ nguyên điểm trường học tập, không phải di chuyển xa.

Tiếp tục thụ hưởng đầy đủ các chính sách ưu đãi, học bổng, miễn giảm học phí theo quy định.

3.5. Phương án đối với các nội dung không thuộc phạm vi sắp xếp

Giữ nguyên mô hình hoạt động độc lập của Trường MN An Phước, Trường TH An Phước và Trường THCS Thanh Hải.

4. Kế hoạch, thời gian dự kiến, lộ trình thực hiện

Từ 10/8/2026 - 14/8/2026: Báo cáo xin ý kiến Đảng ủy xã; hoàn thiện Hồ sơ Đề án gửi cơ quan thẩm định.

Trước 18/8/2026: Gửi Đề án về Sở GDĐT thẩm định.

Từ 18/8/2026 - 20/8/2026: Quyết định thành lập/sắp xếp trường, bổ nhiệm cán bộ quản lý mới.

Trước 20/8/2026: Bàn giao tài sản, tài chính, con dấu, hồ sơ học sinh, nhân sự.

Trước 25/8/2026: Hoàn thành toàn bộ công tác sắp xếp, sẵn sàng khai giảng năm học mới 2026 - 2027.

4. Thủ tục và thời gian chuyển đổi tài sản, chuyển đổi vốn góp

Thực hiện thủ tục thu hồi và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký biến động tài sản công sang tên đơn vị mới ngay sau khi có Quyết định

sắp xếp.

Phần thứ ba

THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC SAU KHI SẮP XẾP

A. TRƯỜNG MẦM NON HÀ TÂY (được thành lập từ hợp nhất nguyên trạng Trường MN Thanh Hải và Trường MN Tân An)

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên cơ sở giáo dục:** Trường Mầm non Hà Tây.
- 2. Thuộc:** Ủy ban nhân dân xã Hà Tây.
- 3. Địa chỉ trụ sở:**
 - Trụ sở chính: Đặt tại điểm Trung tâm của Trường Mầm non Thanh Hải cũ thuộc thôn An Liệt 3, xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng.
 - Phân hiệu: Đặt tại điểm Trung tâm trường Mầm non Tân An cũ thuộc thôn Đông Phan, xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng.
 - Các điểm trường: 05 điểm trường thuộc Trường Mầm non Tân An cũ (01 điểm) và Trường Mầm non Thanh Hải cũ (04 điểm).
 - Quy mô: 46 nhóm/lớp, 1138 trẻ.
- 4. Số điện thoại/Email/Website:** Cập nhật theo danh bạ mới.
- 5. Chức năng, nhiệm vụ:** Tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em mầm non.

6. Người dự kiến làm Hiệu trưởng: Được lựa chọn theo quy trình bổ nhiệm hoặc điều động bổ nhiệm.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ GIÁO DỤC

1. Mục tiêu của cơ sở giáo dục

Tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả quản lý.
Tập trung nguồn lực và cải thiện cơ sở vật chất.
Nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.
Bảo đảm bằng cấp và quyền lợi cho trẻ và giáo viên.

2. Chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục

2.1. Chức năng

+ **Nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục:** Tiếp nhận, quản lý và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 3 tháng tuổi đến 6 tuổi theo Chương trình Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ **Phổ cập giáo dục mầm non:** Thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em (đặc biệt là trẻ 5 tuổi) trên địa bàn được phân công.

+ **Đặt nền móng phát triển toàn diện:** Bảo đảm cho trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, chuẩn bị tốt cho trẻ vào học lớp Một.

2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn cơ bản

+ Quản lý chuyên môn và chương trình

Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non, bảo đảm an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ.

Đánh giá sức khỏe, tình trạng dinh dưỡng của trẻ định kỳ theo quy định.

+ Huy động và Quản lý học sinh

Huy động trẻ em trong lứa tuổi mầm non trên địa bàn đến trường.

Tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt hoặc trẻ em khuyết tật.

+ Quản lý đội ngũ và nhân sự

Quản lý, sử dụng, đề xuất nhu cầu tuyển dụng và thực hiện chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo.

+ Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đúng quy định.

+ Phối hợp xã hội hóa và công khai

Tham mưu với chính quyền địa phương, phối hợp với gia đình/người chăm sóc trẻ và các tổ chức đoàn thể.

Thực hiện quy chế dân chủ, công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch và chất lượng giáo dục.

2.3. Nhiệm vụ đặc thù sau sắp xếp

Kiểm toàn tổ chức bộ máy.

Quản lý điểm trường lẻ.

Thông nhất và bàn giao tài sản, tài chính.

Thông nhất quy chế và văn hóa nhà trường.

Đẩy mạnh quản trị số.

III. CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Chương trình, nội dung giáo dục

1.1. Khung chương trình chuẩn

Thực hiện nghiêm túc Chương trình Giáo dục Mầm non do Bộ GDĐT ban hành (theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung), áp dụng đồng bộ cho tất cả các nhóm trẻ (từ 3 đến 36 tháng tuổi) và các lớp mẫu giáo (từ 3 đến 6 tuổi) tại trường chính và tất cả các điểm trường/phân hiệu.

1.2. Mục tiêu giáo dục

Phát triển toàn diện cho trẻ về 5 mặt: **Thể chất, Nhận thức, Ngôn ngữ, Tình cảm - Kỹ năng xã hội, Thẩm mỹ.**

Đặc biệt chú trọng công tác **Chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào lớp 1** (hình thành tâm thế, kỹ năng tự phục vụ, làm quen với chữ cái và chữ số).

1.3. Xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường

Thông nhất khung kế hoạch năm học, kế hoạch chủ đề/tháng/tuần trên toàn hệ thống nhà trường sau sắp xếp.

Linh hoạt điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, văn hóa của từng điểm trường lẻ (nếu có sự chênh lệch giữa điểm chính và điểm phụ).

2. Các nội dung tích hợp (nếu có)

2.1. Tích hợp giáo dục kỹ năng

Giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng tự phục vụ, bảo vệ bản thân và phòng chống tai nạn thương tích.

Tích hợp giáo dục dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm và chăm sóc sức khỏe học đường.

2.2. Tích hợp văn hóa và môi trường

Tích hợp văn hóa truyền thống, trò chơi dân gian, dân ca địa phương vào các hoạt động học và chơi.

Giáo dục bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và ứng phó với biến đổi khí hậu thông qua các hoạt động trải nghiệm "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm", "Trường học xanh - sạch - đẹp - an toàn".

2.3. Các chương trình hỗ trợ/làm quen (theo nhu cầu của cha mẹ trẻ và tự nguyện)

Tích hợp nội dung **cho trẻ mầm non làm quen với Tiếng Anh** (theo Thông tư 50/2020/TT-BGDĐT).

Tích hợp các giáo dục chuyển đổi số/công nghệ/STEM/STEAM cấp mầm non ở các nhóm lớp có đủ điều kiện thiết bị.

3. Kế hoạch/lộ trình triển khai thực hiện chương trình

3.1. Giai đoạn 1: Đồng bộ và Ổn định (3 tháng đầu sau sắp xếp)

Bàn giao, rà soát và thống nhất toàn bộ kế hoạch chuyên môn, giáo án của các trường/điểm trường cũ.

Tổ chức tập huấn, sinh hoạt chuyên môn chung toàn trường để giáo viên nắm vững mục tiêu, nội dung giáo dục thống nhất.

Phân công lại đội ngũ giáo viên cốt cán hỗ trợ chuyên môn cho các điểm trường còn yếu hoặc các lớp ghép.

3.2. Giai đoạn 2: Chuẩn hóa và Nâng cao chất lượng (Từ tháng thứ 4 sau sắp xếp đến hết năm học thứ nhất)

Triển khai dạy học đồng bộ theo đúng khung thời gian quy định; tổ chức kiểm tra, đánh giá sự phát triển của trẻ định kỳ theo chuẩn.

Tổ chức các hội thi, chuyên đề chuyên môn (Chuyên đề "Tạo môi trường lấy trẻ làm trung tâm", "Ngày hội của bé", "Bé khỏe - Bé ngoan") quy mô toàn trường để tăng tính kết nối giữa các điểm trường.

Đánh giá hiệu quả triển khai chương trình tại từng điểm trường để điều chỉnh kịp thời cho năm học tiếp theo.

3.3. Giai đoạn 3: Hiện đại hóa và Phát triển bền vững (Các năm học tiếp theo)

Từng bước nhân rộng các mô hình giáo dục tiên tiến (Steam/Montessori...) từ điểm trường chính sang các điểm trường phụ khi đã nâng cấp đủ hạ tầng.

Hoàn thiện hồ sơ đánh giá chất lượng giáo dục, phấn đấu giữ vững hoặc nâng cấp tiêu chuẩn Trường đạt chuẩn quốc gia hậu sắp xếp.

4. Tài liệu giảng dạy và học tập

4.1. Tài liệu cho giáo viên

Bộ Chương trình Giáo dục Mầm non chuẩn của Bộ GDĐT; Tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình các độ tuổi (Nhà trẻ, Mẫu giáo bé, Mẫu giáo nhỏ, Mẫu giáo lớn).

Các tài liệu Bồi dưỡng thường xuyên, tài liệu hướng dẫn giáo dục hòa nhập, hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm do Bộ GDĐT và Sở GDĐT phát hành, chỉ đạo.

4.2. Tài liệu, xuất bản phẩm cho trẻ

Bộ tranh ảnh, sách, học liệu, vở làm quen (Toán, Chữ cái, Tạo hình) dùng cho trẻ mầm non đã được Bộ GDĐT thẩm định và cho phép lưu hành.

4.3. Học liệu và Đồ dùng đồ chơi

Rà soát, thu hồi và điều chuyển đồ dùng, đồ chơi, học liệu từ các trường sắp xếp để trang bị đủ theo danh mục tối thiểu.

Tăng cường phong trào tự làm đồ dùng, đồ chơi sáng tạo từ nguyên vật liệu tái chế, thiên nhiên sẵn có tại địa phương để phục vụ việc học và chơi của trẻ.

IV. ĐẤT ĐAI, CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ

1. Đất đai

Giữ nguyên hiện trạng mặt bằng và quy hoạch hiện có của các phân hiệu/điểm trường trước khi sắp xếp. Từng bước hoàn thiện hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị để tổ chức thực hiện chương trình giáo dục

Giữ nguyên hiện trạng phòng học, nhà làm việc và công trình phụ trợ hiện có của các phân hiệu/điểm trường trước khi sắp xếp.

3. Phương tiện, học liệu tham khảo và các điều kiện khác

Giữ nguyên hiện trạng phương tiện, học liệu tham khảo và các điều kiện khác hiện có của các phân hiệu/điểm trường trước khi sắp xếp.

4. Các điều kiện bảo đảm quy định về phòng cháy chữa cháy

Giữ nguyên hiện trạng các điều kiện bảo đảm quy định về phòng cháy chữa cháy hiện có của các phân hiệu/điểm trường trước khi sắp xếp.

5. Hệ thống hồ sơ, sổ sách

Tiếp nhận, bảo quản và khai thác hồ sơ, sổ sách nguyên trạng của các phân hiệu/điểm trường trước khi sắp xếp.

V. TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý để tổ chức thực hiện chương trình giáo dục

Bố trí 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng (trong đó có 01 Phó Hiệu trưởng ở Trụ sở chính, 01 Phó Hiệu trưởng ở phân hiệu), nhà giáo và nhân viên hỗ trợ giáo dục theo quy định.

2. Dự kiến đối tượng, quy mô tuyển sinh theo từng năm học

Thực hiện nguyên trạng quy mô tuyển sinh năm học 2026-2027.

VI. NGUỒN LỰC VÀ TÀI CHÍNH

1. Vốn đầu tư, tài chính

Duy trì các nguồn tài chính, ngân sách của các trường trước khi sắp xếp để bảo đảm duy trì các hoạt động của nhà trường sau sắp xếp.

2. Cơ chế quản lý thu, chi học phí

Thực hiện theo chỉ đạo của Sở GDĐT và cấp có thẩm quyền theo năm học.

B. TRƯỜNG TIỂU HỌC HÀ TÂY (được thành lập từ hợp nhất nguyên trạng Trường TH Thanh Hải và Trường TH Tân An)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Hà Tây.

2. Thuộc: Ủy ban nhân dân xã Hà Tây.

3. Địa chỉ trụ sở chính:

- Trụ sở chính: Đặt tại điểm Trung tâm của Trường Tiểu học Thanh Hải cũ thuộc thôn An Liệt 2, xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng.

- Phân hiệu: Đặt tại điểm Trung tâm trường Tiểu học Tân An cũ thuộc thôn Đông Phan, xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng.

- Các điểm trường: 01 điểm trường thuộc Trường Tiểu học Tân An cũ.

- Quy mô: 57 lớp, 1847 học sinh.

4. Số điện thoại/Email/Website

5. Chức năng, nhiệm vụ: Giáo dục tiểu học từ lớp 1 đến lớp 5.

6. Người dự kiến làm Hiệu trưởng: Được lựa chọn theo quy trình bổ nhiệm hoặc điều động bổ nhiệm.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ GIÁO DỤC

1. Mục tiêu của cơ sở giáo dục

Tinh gọn bộ máy và Tối ưu hóa nguồn lực.

Nâng cao chất lượng giáo dục và Điều kiện học tập.

Bảo đảm quyền lợi người học và Thuận tiện địa lý.

2. Chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục

2.1. Chức năng

Tổ chức giáo dục tiểu học: Thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đối với trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn được phân công.

Hình thành và phát triển nhân cách: Đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, kỹ năng sống, trí tuệ và thẩm mỹ của học sinh.

Cơ sở giáo dục công lập: Hoạt động như một đơn vị sự nghiệp phục vụ cộng đồng, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của UBND xã.

2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn cơ bản

+ Quản lý chuyên môn và chương trình

Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục tiểu học, bảo đảm an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho học sinh.

+ Huy động và quản lý học sinh

Tuyển sinh và duy trì học sinh trong độ tuổi trên địa bàn đến trường.

Tổ chức giáo dục hòa nhập cho học sinh.

+ Quản lý đội ngũ và nhân sự

Quản lý, sử dụng, đề xuất nhu cầu tuyển dụng và thực hiện chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo.

+ Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đúng quy định.

+ Phối hợp xã hội hóa và công khai

Tham mưu với chính quyền địa phương, phối hợp với gia đình và các tổ chức đoàn thể.

Thực hiện quy chế dân chủ, công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch và chất lượng giáo dục.

2.3. Nhiệm vụ đặc thù sau sắp xếp

Kiểm toàn tổ chức bộ máy.

Quản lý điểm trường lẻ.

Thông nhất và bàn giao tài sản, tài chính.

Thông nhất quy chế và văn hóa nhà trường.

Đẩy mạnh quản trị số.

III. CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Chương trình, nội dung giáo dục

1.1. Áp dụng đồng bộ Chương trình GDPT 2018

Thực hiện giảng dạy đầy đủ, đúng quy định Chương trình GDPT 2018 cấp Tiểu học đối với tất cả các khối lớp (từ Lớp 1 đến Lớp 5) trên toàn hệ thống nhà trường (bao gồm trường chính và các điểm trường lẻ/phân hiệu).

Bảo đảm tổ chức dạy học **2 buổi/ngày** theo quy định (tối thiểu 9 buổi/tuần, mỗi buổi không quá 4 tiết; mỗi tiết 35 phút).

1.2. Xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường thống nhất

Thông nhất Khung kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch dạy học các môn học/hoạt động giáo dục và quy trình kiểm tra, đánh giá định kỳ trên toàn trường.

Xây dựng nội dung giáo dục linh hoạt, phù hợp với năng lực nhận thức của từng đối tượng học sinh và điều kiện thực tế của từng điểm trường (đặc biệt đối với các điểm trường lẻ ở vùng khó khăn).

2. Các nội dung tích hợp (nếu có)

2.1. Nội dung giáo dục bắt buộc và địa phương

Tích hợp Nội dung giáo dục địa phương (lịch sử, địa lý, văn hóa, nghề truyền thống...) vào các môn học như Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt, Lịch sử và Địa lý và Hoạt động trải nghiệm.

Tích hợp Hoạt động trải nghiệm theo chủ đề: kỹ năng sống, giao thông an toàn, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, giáo dục tài chính cơ bản.

Tích hợp liên môn và Giáo dục hiện đại: Tích hợp Giáo dục STEM/STEAM trong các môn Toán, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Công nghệ và Tin học nhằm phát triển tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề cho học sinh. Tích hợp giáo dục quyền con người, bình đẳng giới, kỹ năng tự bảo vệ bản thân (phòng chống xâm hại, bạo lực học đường) và phòng chống thiên tai/tai nạn thương tích.

2.2. Nội dung bổ trợ (theo nhu cầu và tự nguyện)

Tích hợp làm quen Tiếng Anh cho lớp 1, 2; nâng cao năng lực Ngoại ngữ, Tin học quốc tế (nếu có đủ điều kiện hạ tầng và phụ huynh đăng ký).

3. Kế hoạch/lộ trình triển khai thực hiện chương trình

3.1. Giai đoạn 1: Thống nhất và khảo sát ban đầu (03 tháng đầu sau sắp xếp)

Đồng bộ hóa kế hoạch dạy học, phân phối chương trình, quy chế chuyên môn giữa các đơn vị/điểm trường trước sắp xếp.

Bố trí, sắp xếp lại đội ngũ giáo viên dạy liên lớp, liên điểm trường (đặc biệt với các môn đặc thù: Tiếng Anh, Tin học, Nghệ thuật, Thể dục) để khắc phục tình trạng thừa/thiếu cục bộ.

Khảo sát, phân loại chất lượng học sinh toàn trường để có kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh nhận thức chậm.

3.2. Giai đoạn 2: Tối ưu hóa và Chuẩn hóa chất lượng (từ tháng thứ 4 đến hết năm học đầu tiên)

Triển khai dạy học 2 buổi/ngày đồng bộ tại 100% các lớp; tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm/tổ dựa trên nghiên cứu bài học chung toàn trường (bằng cả hình thức trực tiếp và trực tuyến giữa các điểm trường).

Xây dựng lộ trình dần dịch các lớp ghép, điểm trường lẻ quy mô quá nhỏ về điểm trường trung tâm (khi bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất và phương tiện đi lại của học sinh).

Đánh giá chất lượng đầu ra từng khối lớp, bảo đảm tính công bằng và đồng đều về chất lượng giáo dục giữa điểm trường chính và các phân hiệu.

3.3. Giai đoạn 3: Hiện đại hóa và Nâng cao chất lượng toàn diện (năm học thứ 2 trở đi)

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong dạy học (hồ sơ giáo án điện tử, kho học liệu số dùng chung, quản lý học bạ điện tử).

Nhân rộng các mô hình câu lạc bộ kỹ năng, thể thao, nghệ thuật, STEM ở trường chính lan tỏa ra các điểm trường lẻ.

4. Tài liệu giảng dạy và học tập

4.1. Sách giáo khoa (SGK) và tài liệu tham khảo

Rà soát, thống nhất bộ sách giáo khoa được phê duyệt sử dụng trên địa bàn UBND thành phố cho toàn bộ các điểm trường sau sắp xếp.

Trang bị đầy đủ Tài liệu Giáo dục địa phương do Sở GDĐT biên soạn cho 100% học sinh và giáo viên.

Xây dựng Thư viện xanh/Thư viện thân thiện tại trường chính và các tủ sách dùng chung tại các điểm trường lẻ.

4.2. Học liệu và thiết bị dạy học

Tiếp nhận, kiểm kê và điều chuyển danh mục thiết bị dạy học tối thiểu từ các trường cũ để cân đối trang thiết bị cho các phòng học/phòng chức năng.

Sử dụng kho học liệu số, bài giảng điện tử, phần mềm mô phỏng dùng chung toàn trường để hỗ trợ công tác giảng dạy tại các điểm trường lẻ chưa đủ thiết bị thực hành hiện đại.

Phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học sáng tạo trong giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học Chương trình GDPT 2018.

IV. ĐẤT ĐAI, CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ

1. Đất đai

Giữ nguyên hiện trạng mặt bằng và quy hoạch hiện có của các phân hiệu/điểm trường trước khi sắp xếp. Từng bước hoàn thiện hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị để tổ chức thực hiện chương trình giáo dục

Giữ nguyên hiện trạng phòng học, nhà làm việc và công trình phụ trợ hiện có của các phân hiệu/điểm trường trước khi sắp xếp.

3. Phương tiện, học liệu tham khảo và các điều kiện khác

Giữ nguyên hiện trạng phương tiện, học liệu tham khảo và các điều kiện khác hiện có của các phân hiệu/điểm trường trước khi sắp xếp.

4. Các điều kiện bảo đảm quy định về phòng cháy chữa cháy

Giữ nguyên hiện trạng các điều kiện bảo đảm quy định về phòng cháy chữa cháy hiện có của các phân hiệu/điểm trường trước khi sắp xếp.

5. Hệ thống hồ sơ, sổ sách

Tiếp nhận, bảo quản và khai thác hồ sơ, sổ sách nguyên trạng của các phân hiệu/điểm trường trước khi sắp xếp.

V. TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý để tổ chức thực hiện chương trình giáo dục

Bố trí 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng (trong đó có 01 Phó Hiệu trưởng ở Trụ sở chính, 01 Phó Hiệu trưởng ở phân hiệu), nhà giáo và nhân viên hỗ trợ giáo dục theo quy định.

2. Dự kiến đối tượng, quy mô tuyển sinh theo từng năm học

Thực hiện nguyên trạng quy mô tuyển sinh năm học 2026-2027.

VI. NGUỒN LỰC VÀ TÀI CHÍNH

1. Vốn đầu tư, tài chính

Duy trì các nguồn tài chính, ngân sách của các trường trước khi sắp xếp để

bảo đảm duy trì các hoạt động của nhà trường sau sắp xếp.

2. Cơ chế quản lý thu, chi học phí

Thực hiện theo chỉ đạo của Sở GDĐT và cấp có thẩm quyền theo năm học.

C. TRƯỜNG THCS HÀ TÂY (được thành lập từ hợp nhất nguyên trạng Trường THCS An Phượng và Trường THCS Tân An)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Tên cơ sở giáo dục:** Trường Trung học cơ sở Hà Tây.

2. **Thuộc:** Ủy ban nhân dân xã Hà Tây.

3. **Địa chỉ trụ sở chính:** Thôn Đông Phan, xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng.

- Trụ sở chính: Đặt tại trường THCS Tân An cũ thuộc thôn Đông Phan, xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng;

- Phân hiệu: Đặt tại điểm Trung tâm Trường THCS An Phượng cũ thuộc thôn Ngoại Đàm, xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng;

- Các điểm trường: 01 điểm trường thuộc Trường THCS An Phượng cũ.

- Quy mô: 32 lớp, 1282 học sinh.

4. **Số điện thoại/Email/Website**

5. **Chức năng, nhiệm vụ:** Giáo dục THCS từ lớp 6 đến lớp 9.

6. **Người dự kiến làm Hiệu trưởng:** Được lựa chọn theo quy trình bổ nhiệm hoặc điều động bổ nhiệm.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ GIÁO DỤC

1. Mục tiêu của cơ sở giáo dục

Tinh gọn bộ máy và tối ưu hóa nguồn lực.

Nâng cao chất lượng giáo dục và điều kiện học tập.

Bảo đảm quyền lợi người học và thuận tiện địa lý.

2. Chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục

2.1. Chức năng

Thực hiện Phổ cập giáo dục THCS: Tiếp nhận và tổ chức giảng dạy cho toàn bộ đối tượng học sinh trong độ tuổi THCS (từ lớp 6 đến lớp 9) trên địa bàn được phân công, bảo đảm duy trì và nâng cao tỷ lệ đạt chuẩn phổ cập giáo dục của địa phương.

Hình thành và Phát triển năng lực học sinh: Giúp học sinh củng cố kiến thức Tiểu học, phát triển năng lực tự học, tư duy phản biện, kỹ năng sống và định hướng nghề nghiệp ban đầu (phân luồng sau THCS).

Thực hiện chương trình GDPT 2018: Tổ chức dạy học đồng bộ theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ GDĐT quy định, bảo đảm chất lượng đầu ra cho học sinh cấp THCS.

2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn cơ bản

+ Quản lý chuyên môn và chương trình

Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục THCS, bảo đảm an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho học sinh.

+ Huy động và quản lý học sinh

Tuyển sinh và duy trì học sinh trong độ tuổi trên địa bàn đến trường.

Tổ chức giáo dục hòa nhập cho học sinh.

Quản lý đội ngũ và nhân sự:

Quản lý, sử dụng, đề xuất nhu cầu tuyển dụng và thực hiện chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo.

Quản lý tài chính và cơ sở vật chất:

Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đúng quy định.

Phối hợp xã hội hóa và công khai:

Tham mưu với chính quyền địa phương, phối hợp với gia đình và các tổ chức đoàn thể.

Thực hiện quy chế dân chủ, công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch và chất lượng giáo dục.

2.3. Nhiệm vụ đặc thù sau sắp xếp

Kiến toàn tổ chức bộ máy.

Quản lý điểm trường lẻ.

Thông nhất và Bàn giao tài sản, tài chính.

Thông nhất Quy chế và Văn hóa nhà trường.

Đẩy mạnh Quản trị số.

III. CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Chương trình, nội dung giáo dục

1.1. Áp dụng đồng bộ Chương trình GDPT 2018 cấp THCS

Thực hiện đầy đủ, đúng quy định Chương trình GDPT 2018 từ Lớp 6 đến Lớp 9 trên toàn bộ các điểm trường/phân hiệu sau sắp xếp.

Tổ chức giảng dạy đúng, đủ số tiết theo quy định đối với các môn học bắt buộc, môn học tích hợp (*Khoa học tự nhiên; Lịch sử và Địa lý*) và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1.2. Xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường thống nhất

Đồng bộ khung thời gian năm học, phân phối chương trình, quy chế chuyên môn và kế hoạch kiểm tra, đánh giá định kỳ trên toàn trường.

Phân công giảng dạy linh hoạt, khoa học đối với các môn học tích hợp và môn đặc thù (Âm nhạc, Mỹ thuật, Ngoại ngữ, Tin học) nhằm tối ưu hóa đội ngũ giáo viên hiện có sau khi hợp nhất.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày hoặc tăng cường các tiết phụ đạo, bồi dưỡng tại các điểm trường chính/trung tâm khi đã tập trung đủ điều kiện cơ sở vật chất.

2. Các nội dung tích hợp (nếu có):

2.1. Tích hợp môn học theo Chương trình GDPT 2018

Triển khai hiệu quả dạy học tích hợp môn Khoa học tự nhiên (Vật lý, Hóa

học, Sinh học) và môn Lịch sử và Địa lý theo hướng dẫn của Bộ GDĐT; phân công giáo viên dạy theo chủ đề/mạch kiến thức hợp lý.

Tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào các môn học và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

2.2. Tích hợp giáo dục liên môn và Kỹ năng

Đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM trong các môn Toán, Khoa học tự nhiên, Công nghệ, Tin học thông qua các dự án học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật dành cho học sinh THCS.

Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, giáo dục tài chính và phòng chống tệ nạn xã hội/bạo lực học đường.

2.3. Nội dung định hướng nghề nghiệp và Phân luồng

Tích hợp nội dung Giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, giúp học sinh Lớp 8, Lớp 9 định hướng năng lực để phân luồng sau THCS (vào THPT, Trung tâm GDNN-GDTX hoặc học nghề).

3. Kế hoạch/lộ trình triển khai thực hiện chương trình

3.1. Giai đoạn 1: Đồng bộ hóa và Rà soát chuyên môn (03 tháng đầu sau sắp xếp)

Thông nhất toàn bộ kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy (giáo án), quy chế kiểm tra - đánh giá giữa các trường/điểm trường trước sắp xếp.

Điều chỉnh, sắp xếp lại thời khóa biểu và phân công công tác giáo viên nhằm khắc phục triệt để tình trạng "thừa - thiếu cục bộ" bộ môn giữa các phân hiệu.

Rà soát chất lượng học sinh toàn trường, lập danh sách và kế hoạch phụ đạo học sinh yếu/kém, bồi dưỡng học sinh giỏi cho các kỳ thi cấp xã/thành phố.

3.2. Giai đoạn 2: Tối ưu hóa vận hành và Nâng cao chất lượng (Từ tháng thứ 4 đến hết năm học đầu tiên)

Tập trung nguồn lực, khai thác triệt để các phòng học bộ môn (Lý, Hóa, Sinh, Tin học, Ngoại ngữ) tại trường chính để nâng cao chất lượng tiết học thực hành.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo tổ/nhóm nòng cốt toàn trường (kết hợp trực tiếp và trực tuyến) tập trung vào phương pháp đổi mới dạy học, dạy học tích hợp và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực.

Xây dựng lộ trình đưa học sinh từ các điểm trường lẻ quy mô quá nhỏ về điểm trường trung tâm (khi bảo đảm đủ phòng học và phương tiện đi lại).

3.3. Giai đoạn 3: Hiện đại hóa và Bứt phá chất lượng (Năm học thứ 2 trở đi)

Đẩy mạnh chuyển đổi số: Quản lý học bạ điện tử, sổ điểm điện tử, xây dựng kho bài giảng số, học liệu dùng chung trên hệ thống LMS/Smas/VnEdu toàn trường.

Nâng cao tỷ lệ học sinh đỗ vào lớp 10 THPT công lập và hiệu quả công tác phân luồng sau THCS, khẳng định chất lượng giáo dục của nhà trường hậu sắp xếp.

4. Tài liệu giảng dạy và học tập

4.1. Sách giáo khoa (SGK) và Tài liệu bắt buộc

Thông nhất danh mục sách giáo khoa cấp THCS đã được UBND thành phố phê duyệt sử dụng chung trên toàn hệ thống nhà trường sau sắp xếp.

Trang bị đầy đủ tài liệu Giáo dục địa phương cấp THCS cho giáo viên và học sinh các khối lớp.

4.2. Sách tham khảo và Thư viện số

Quy hoạch, hợp nhất nguồn tài nguyên thư viện từ các trường cũ để xây dựng Thư viện trung tâm đạt chuẩn/chuẩn tiên tiến; trang bị máy tính kết nối Internet cho học sinh tra cứu.

Đẩy mạnh sử dụng sách giáo khoa điện tử, tài liệu tham khảo số trên các cổng thông tin chính thống của Bộ GDĐT và NXB Giáo dục Việt Nam.

4.3. Học liệu và thiết bị dạy học

Tổng kiểm kê, bàn giao và điều chuyển thiết bị dạy học tối thiểu (theo Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT) để trang bị đủ cho các phòng thí nghiệm, phòng thực hành.

Khai thác hiệu quả các phần mềm mô phỏng thí nghiệm ảo (PhET, ChemLab...), thiết bị công nghệ thông tin, bài giảng tương tác để phục vụ việc dạy học các môn tích hợp và thực hành.

IV. ĐẤT ĐAI, CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ

1. Đất đai

Giữ nguyên hiện trạng mặt bằng và quy hoạch hiện có của các phân hiệu/điểm trường trước khi sắp xếp. Từng bước hoàn thiện hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị để tổ chức thực hiện chương trình giáo dục

Giữ nguyên hiện trạng phòng học, nhà làm việc và công trình phụ trợ hiện có của các phân hiệu/điểm trường trước khi sắp xếp.

3. Phương tiện, học liệu tham khảo và các điều kiện khác

Giữ nguyên hiện trạng phương tiện, học liệu tham khảo và các điều kiện khác hiện có của các phân hiệu/điểm trường trước khi sắp xếp.

4. Các điều kiện bảo đảm quy định về phòng cháy chữa cháy

Giữ nguyên hiện trạng các điều kiện bảo đảm quy định về phòng cháy chữa cháy hiện có của các phân hiệu/điểm trường trước khi sắp xếp.

5. Hệ thống hồ sơ, sổ sách

Tiếp nhận, bảo quản và khai thác hồ sơ, sổ sách nguyên trạng của các phân hiệu/điểm trường trước khi sắp xếp.

V. TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý để tổ chức thực hiện chương trình giáo dục

Bố trí 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng (trong đó có 01 Phó Hiệu trưởng ở Trụ sở chính, 01 Phó Hiệu trưởng ở phân hiệu), nhà giáo và nhân viên hỗ trợ

giáo dục theo quy định.

2. Dự kiến đối tượng, quy mô tuyển sinh theo từng năm học

Thực hiện nguyên trạng quy mô tuyển sinh năm học 2026-2027.

VI. NGUỒN LỰC VÀ TÀI CHÍNH

1. Vốn đầu tư, tài chính

Duy trì các nguồn tài chính, ngân sách của các trường trước khi sắp xếp để bảo đảm duy trì các hoạt động của nhà trường sau sắp xếp.

2. Cơ chế quản lý thu, chi học phí

Thực hiện theo chỉ đạo của Sở GDĐT và cấp có thẩm quyền theo năm học.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Bước 1: UBND xã Hà Tây trình Ban Thường vụ, Ban chấp hành Đảng ủy xã để hoàn thiện và phê duyệt phương án chi tiết.

Bước 2: Ban hành các quyết định sắp xếp, quyết định điều động, bổ nhiệm cán bộ quản lý, ký lại hợp đồng lao động.

Bước 3: Tổ chức bàn giao tài chính, tài sản, hồ sơ chuyên môn, con dấu.

Bước 4: Báo cáo kết quả về Sở GDĐT trước ngày 20/8/2026.

II. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

1. Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã

Đề nghị Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã tham mưu với Ban Thường vụ Đảng ủy thực hiện quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học các trường sau sắp xếp để kịp thời thực hiện nhiệm vụ năm học 2026-2027.

2. Phòng Văn hoá - Xã hội

Tham mưu chính về chuyên môn, xây dựng Đề án, phối hợp kiểm kê tài sản, hồ sơ chuyên môn.

3. Phòng Kinh tế

Hướng dẫn quyết toán tài chính, kiểm kê tài sản công, chuyển đổi tài khoản ngân sách.

4. Cán bộ quản lý các trường

Làm tốt công tác tư tưởng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác bàn giao đầy đủ, chính xác.

5. Các phòng/ban/cơ quan liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ phối hợp với phòng Văn hoá - Xã hội tham mưu với Đảng ủy, UBND xã thực hiện Đề án bảo đảm tiến độ, hiệu quả.

Phần thứ năm

HIỆU QUẢ KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Về kinh tế

Giảm 03 đầu mỗi đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn xã (từ 9 trường

giảm xuống còn 6 trường), giảm chi thường xuyên cho bộ máy quản lý, tiết kiệm ngân sách nhà nước.

Tập trung nguồn lực tài chính để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đồng bộ, hiện đại.

2. Về xã hội, môi trường

Nâng cao năng lực quản trị nhà trường; nâng cao chất lượng dạy và học.

Bảo đảm sự ổn định tâm lý cho học sinh và phụ huynh do giữ nguyên điểm trường.

3. Tính bền vững của đề án:

Phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục dài hạn, đáp ứng các tiêu chuẩn chuẩn quốc gia và định hướng đổi mới giáo dục.

Trên đây là Đề án Sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở công lập trên địa bàn xã Hà Tây. Đề nghị thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Nội vụ;
- BTV Đảng ủy xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Các cơ sở giáo dục;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Tâm